

- HS xem trước bài sau

Toán

Tiết 168

ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC (TT-trang 174)

I. Mục đích – yêu cầu

- Nhận biết được hai đường thẳng song song, hai đường thẳng vuông góc
- Tính được diện tích hình bình hành (BT4 chỉ y/c tính diện tích hbh).

KNS: Áp dụng kiến thức bài học vào làm BT và thực tế tính toán.

II. Đồ dùng dạy học: Bảng nhóm

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>A. Ổn định tổ chức</p> <p>B. Kiểm tra bài cũ Bài 2a (164) GV nhận xét</p> <p>C. Dạy bài mới</p> <p>1. Giới thiệu bài – ghi bảng</p> <p>2. HD luyện tập</p> <p><u>Bài 1:</u> - 1 HS nêu yêu cầu của bài. - GV HD HS nhớ lại kt song song và vuông góc. - HS làm bài vào vở, nêu miệng đáp án. - GV chữa bài và đưa ra kết quả chính xác.</p> <p><u>Bài 2:</u> - 1 HS nêu y/c của bài. GV phân tích y/c và HD - 1 HS nêu cách làm. - HS tự làm bài vào vở rồi nêu miệng kết quả. - GV nhận xét và đánh giá</p> <p><u>Bài 3:</u> - 1 HS nêu y/c của bài. GV phân tích y/c và HD HS tính P và S các hcn có cạnh đã cho. - HS tự làm bài vào vở rồi nêu miệng kết quả. - GV nx và ghi điểm</p> <p><u>Bài 4:</u> - 1 HS nêu y/c của bài. - 1 HS nêu cái đã cho và cái phải tìm.</p>	<p>2 em lên bảng làm, cả lớp làm vào nháp.</p> <p>a) AB//DE b) BC vuông góc CD</p> <p>MN = 16cm Đáp án: C</p> <p>Đáp án: chu vi: 18cm Diện tích 20cm²</p> <p><i>Chỉ yêu cầu HS tính S hình bình hành</i> Bài giải Diện tích hình bình hành là:</p>

b) Một số đặc điểm tiêu biểu của các tp lớn.

- 1 HS nêu y/c của câu hỏi 2
- Y/c HS viết vào vở các đặc điểm tiêu biểu của các tp lớn theo hàng. Hđ nhóm 4 (nhóm 1,2,3 thảo luận HN, HP, TPHCM, nhóm 4,5,6 thảo luận Huế, ĐN, ĐL, Cần Thơ).

HN:	
HP	
Huế	
ĐN ...	

c) Hệ thống hóa kiến thức về thiên nhiên, con người, hđ sx,

- 1 HS nêu y/c của câu hỏi 3,4,5
- GV y/c HS chỉ nêu một vài dân tộc không y/c nêu hết.
- HS thảo luận nhóm đôi

d) Một số hoạt động khai thác tài nguyên biển

- HS thảo luận câu 6 và nêu đáp án trước lớp.

D. Củng cố

G: Củng cố kt bài học và nhận xét chung giờ học.

E. Dặn dò

Đại diện nhóm nêu kq thảo luận, nhóm khác nx và bổ sung. GV nx và chốt ý chính.

- 1-2 nhóm hỏi – đáp trước lớp. HS khác nx, Gv chốt ý chính.

- HS về học ghi nhớ và chuẩn bị bài “Kiểm tra cuối học kì II”

-----*****-----

Toán

Tiết 169

ÔN TẬP VỀ SỐ TRUNG BÌNH CỘNG

(Trang 175)

I. Mục đích – yêu cầu

- Giải được bài toán về tìm số trung bình cộng.

KN: Áp dụng bài học vào làm BT và thực tế

II. Đồ dùng dạy học:

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>A. Ôn định tổ chức B. Kiểm tra bài cũ Bài 3 (T.166). GV chữa bài và nhận xét.</p>	<p>- 2 HS lên bảng. Cả lớp làm vào nháp.</p>

C. Dạy bài mới

1. Giới thiệu bài – ghi bảng

2. HD luyện tập

- Bài 1: - 1 HS nêu yêu cầu của bài.
 - 1 HS nhắc lại cách tìm số trung bình cộng.
 - 1 HS nêu cách làm.
 - 2 HS làm trên bảng nhóm, cả lớp làm vào vở
 - GV chữa bài và đưa ra kết quả chính xác.

- a) 260
 b) 463

- Bài 2: - 1 HS nêu y/c của bài.
 - 1 HS nêu cái đã cho và cái phải tìm.
 - 1 HS nêu các bước giải.
 - 1 HS làm trên bảng nhóm, cả lớp làm vào vở
 - GV nhận xét.

Bài giải
 Số người tăng trung bình hàng năm là:
 $(158+147+132+103+95):5= 127$ (ng)
 Đáp số: 127 người

- Bài 3: - 1 HS nêu y/c của bài.
 - 1 HS nêu cái đã cho và cái phải tìm.
 - 1 HS nêu các bước giải.
 - 1 HS làm trên bảng nhóm, cả lớp làm vào vở
 - GV nx và ghi điểm

Bài giải
 Số vở tổ 2 góp là: $36+2=38$ (quyển)
 Số vở tổ 3 góp là: $38+2=40$ (quyển)
 Trung bình mỗi tổ góp là:
 $(36+38+40):3= 38$ (quyển)
 Đáp số: 38 quyển

- Bài 4: - 1 HS nêu y/c của bài.
 - 1 HS nêu cái đã cho và cái phải tìm.
 - 1 HS nêu các bước giải.
 - 1 HS làm trên bảng nhóm, cả lớp làm vào vở
 - GVqs HS nếu HS lúng túng

Bài giải
 Lần đầu 3 ô tô chở được là:
 $16 \times 3 = 48$ (máy)
 Lần sau 5 ô tô chở được là:
 $24 \times 5 = 120$ (máy)
 Số ô tô chở máy bơm là: $3 + 5 = 8$ (ô tô)
 Trung bình mỗi ô tô chở được là:
 $(48 + 120) : 8 = 21$ (máy)

- Bài 5:
 - 1 HS nêu y/c của bài.
 - 1 HS nêu cái đã cho và cái phải tìm.
 - 1 HS nêu các bước giải.
 - HS làm bài vào vở, đọc bài giải trước lớp
 - GVqs HS nếu HS lúng túng

- 1 em
 5-6 em

D. Cũng c

G: Cũng cố kt bài học và nhận xét chung giờ học.

- HS nhắc lại kiến thức vừa ôn tập

E. Dặn dò

- HS về làm bài tập và chuẩn bị bài

“Ôn tập về tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó”

Luyện từ và câu

MRVT: LẠC QUAN – YÊU ĐỜI

Tiết 67

I. Mục đích – yêu cầu

- Biết thêm một số từ phức chứa tiếng vui và phân loại chúng theo 4 nhóm nghĩa (BT1); biết đặt câu với từ ngữ nói về chủ điểm lạc quan, yêu đời (BT2, BT3)

KNS: Giáo dục tình yêu môn học, vận dụng bài học vào thực tế giao tiếp và làm bài.

II. Đồ dùng dạy học: vbt tv tập 2

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>A. Ôn định tổ chức B. Kiểm tra bài cũ Cho ví dụ câu có trạng ngữ chỉ mục đích - GV nhận xét, đánh giá. C. Dạy bài mới 1. Giới thiệu bài – ghi bảng 2. Nhận xét BT1: - 1 HS đọc yêu cầu BT - GV HD HS phân tích mẫu. a) từ chỉ hđ TLCH “làm gì?” b) từ chỉ cảm giác TLCH “cảm thấy thế nào?” c) từ chỉ tính tình TLCH “là người ntn?” - HS suy nghĩ lần lượt từng yêu cầu, làm vào vbt, phát biểu ý kiến. GV chốt lại lời giải đúng. BT2 - HS đọc y/c của bài - HS trao đổi đặt câu theo nhóm đôi-> phát biểu ý kiến. GV giúp HS nx, kl BT3: - 1 HS đọc yêu cầu BT 3 - GV phân tích yêu cầu. tổ chức cho HS thi tìm từ miêu tả tiếng cười bằng hình thức thi tiếp sức trên bảng.</p>	<p>- 2 HS nêu ví dụ.</p> <p>Đáp án: a) vui chơi, góp vui, mua vui b) vui thích, vui mừng, vui sướng, vui lòng, vui thú, vui vui c) vui tính, vui nhộn, vui tươi d) vui vẻ</p> <p>VD: <i>Cảm ơn bạn đã đến góp vui với mình</i> <i>Chúng em đi thăm quan rất vui vẻ.</i> VD: Cười ha hả -> Anh ta thích chí cười ha hả. Cười hi hi -> Cu cậu gãi đầu gãi tai và cười hi hi, hi hí, cười hơ hơ, hơ hớ, khanh khách, khành khạch, khềnh</p>